TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2020/DSPT

Ngày 03 tháng 01 năm 2020

V/v *"T/c bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Chí Trung

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoài Sơn

Ông Cao Văn Hiếu

-Thư ký phiên tòa*:* Bà Lê Thị Dự-Cán bộ TAND TP Đà Nẵng.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng*:* Bà Nguyễn Thị Trâm-Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"*, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2019/DS-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 giữa:

-Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1942.

Trú tại: Số X2 đường K, phường T, thành phố Đà Nẵng.

-Bị đơn: Công ty Cổ phần L.

Địa chỉ: Số X6 đường K, phường T, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn C-Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền số: 210/GUQ-DNF ngày 21/12/2019):

Ông Trần Kiều Việt K-Phó Tổng Giám đốc.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1948.

Trú tại: Số X2 đường K, phường T, thành phố Đà Nẵng.

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Ông Đỗ Văn N trình bày:

Tháng 6/2014, Công ty Cổ phần L xây dựng chung cư tại số X6 đường K, phường T, thành phố Đà Nẵng đã gây lún, nứt nghiêm trọng nhà ở của tôi. Sau khi xảy ra thiệt hại, giữa Công ty và tôi vẫn không thống nhất được về mức bồi thường.

Nay tôi đề nghị Công ty Cổ phần L phải bồi thường thiệt hại theo kết quả mà Trung tâm Giám định C xác định là: 795.794.000đ. Đồng thời phải hoàn trả lại cho tôi chi phí giám định là: 67.580.000đ.

-Công ty Cổ phần L trình bày:

Công ty thống nhất với nội dung ông N trình bày về tình trạng thiệt hại nhà ở của ông N. Sau nhiều lần thương lượng, giữa Công ty và ông N chưa thống nhất được với nhau về giá trị thiệt hại.

Công ty Cổ phần L thống nhất với kết quả giám định nhưng chỉ đồng ý bồi thường cho ông Đỗ Văn N số tiền 600.000.000đ. Đối với tiền chi phí giám định ông N phải chịu. Trường hợp Công ty phải chịu chi phí giám định thì Công ty chỉ đồng ý bồi thường cho ông N 500.000.000đ.

-Bà H có đơn trình bày và ủy quyền cho ông Đỗ Văn N tham gia giải quyết, bồi thường trong vụ án.

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã xử và quyết định:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 161; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều

584; Điều 585; Điều 589; Điều 605; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn N đối với Công ty Cổ phần L.

Buộc Công ty Cổ phần L phải bồi thường thiệt hại cho ông Đỗ Văn N số tiền 795.794.000đ và trả lại cho ông Đỗ Văn N 67.580.000đ tiền chi phí giám định. Tổng các khoản buộc Công ty Cổ phần L phải trả cho ông Đỗ Văn N là 863.374.000đ.

2. Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần L phải chịu 35.831.760đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đỗ Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000đ, theo biên lai số: 0006650 ngày 02/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 24/10/2019 Công ty Cổ phần L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng Tòa án sơ thẩm buộc Công ty phải trả cho ông Đỗ Văn N số tiền: 863.374.000đ dựa trên kết luận giám định là không phù hợp và ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tháng 6/2014, Công ty Cổ phần L xây dựng chung cư tại số số X6 đường K, phường T, thành phố Đà Nẵng đã gây thiệt hại nhà đất của ông Đỗ Văn N tại số X2 đường K, phường T, thành phố Đà Nẵng.

[2] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2019/DS-ST ngày 30/9/2019, Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng đã buộc Công ty Cổ phần L phải bồi thường cho ông Đỗ Văn N số tiền thiệt hại là: 795.794.000đ.

[3] Tại phiên làm việc ngày 24/12/2019 do Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tiến hành, các đương sự thống nhất thỏa thuận:

[3.1] Về bồi thường thiệt hại: Ông Đỗ Văn N và Công ty Cổ phần L thống nhất số tiền thiệt hại mà Công ty Cổ phần L bồi thường cho ông Đỗ Văn N là 600.000.000đ. Các bên giao nhận số tiền 600.000.000đ vào ngày 01/3/2020.

[3.2] Về chi phí giám định, định giá: 67.580.000đ (ông Đỗ Văn N đã nộp, đã chi theo Phiếu thu ngày 03/01/2019 của Trung Tâm Giám định C). Ông Đỗ Văn N và Công ty Cổ phần L thống nhất thỏa thuận:

[3.2.1] Công ty Cổ phần L tự nguyện chịu: 47.580.000đ và hoàn lại cho ông Đỗ Văn N số tiền: 47.580.000đ. Các bên giao nhận 47.580.000đ vào ngày 01/3/2010.

[3.2.2] Ông Đỗ Văn N tự nguyện chịu: 20.000.000đ (số tiền này ông N đã nộp và đã chi).

[3.2.3] Về án phí DSST: Công ty Cổ phần L tự nguyện chịu: 30.000.000đ.

[3.2.4] Hoàn trả cho ông Đỗ Văn N 14.000.000đ tạm ứng án phí DSST (biên lai thu số: 0006650 ngày 02/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng).

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Văn N, bà Trần Thị Thanh H và Công ty Cổ phần L vẫn giữ nguyên các thỏa thuận ngày 24/12/2019.

[5] Xét thấy sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, HĐXX căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[6] Do thỏa thuận của các đương sự là trước khi mở phiên tòa phúc thẩm và do sửa bản án sơ thẩm nên Công ty Cổ phần L không chịu án phí DSPT và được hoàn lại 300.000đ tạm ứng án phí DSPT (biên lai số: 0008612 ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ vào Điều 300; Khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2019/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng.

1.1 Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Đỗ Văn N và bà Trần Thị Thanh H với Công ty Cổ phần L như sau:

1.1.1 Về bồi thường thiệt hại:

-Công ty Cổ phần L bồi thường thiệt hại cho ông Đỗ Văn N và bà Trần Thị Thanh H, số tiền: 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

-Các bên giao, nhận số tiền 600.000.000đ vào ngày 01/3/2020.

1.1.2 Về chi phí giám định, định giá:

-Công ty Cổ phần L hoàn cho ông Đỗ Văn N số tiền: 47.580.000đ (bốn mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).

-Các bên giao, nhận số tiền 47.580.000đ vào ngày 01/3/2020.

-Ông Đỗ Văn N tự nguyện chịu: 20.000.000đ (số tiền này ông Đỗ Văn N đã nộp và đã chi).

1.2.3 Về án phí DSST:

-Công ty Cổ phần L tự nguyện nộp: 30.000.000đ.

1.2 Hoàn cho ông Đỗ Văn N 14.000.000đ tạm ứng án phí DSST (biên lai thu số: 0006650 ngày 02/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng).

1.3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

2.1 Công ty Cổ phần L không chịu án phí DSPT.

2.2. Hoàn cho Công ty Cổ phần L 300.000đ tạm ứng án phí DSPT (biên lai thu số: 0008612 ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng).

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên và được thi hành theo quy định tại Điều 02 luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND TP Đà Nẵng.
-TAND quận C;
-Chi cục THADS quận C;
-Các đương sự.
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Trương Chí Trung